

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 01/6/2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Chiêu

2. Ông Trần Văn Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2021/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 115/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương S:

Nguyên đơn: Chị Lê Thúy K, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp 9A, xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL

Bị đơn: Anh Trần Hoàng S, sinh năm 1977; Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp 9A, xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL

(Chị Lê Thúy K có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Hoàng S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án Lê Thúy K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thúy K và anh Trần Hoàng S kết hôn với nhau vào năm 2002, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh Nam (nay là xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2002. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ban đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ thời điểm trên đến nay. Do nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị K và anh S có với nhau 02 người con chung là Trần Thị Bích Trâm, sinh ngày 20/8/2002 và cháu Trần Hoàng Triệu, sinh ngày 29/9/2012. Khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi cháu Triệu, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Thị Bích Trâm đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hoàng S đã được Tòa án nhân dân huyện PL tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân S nhưng anh S vẫn vắng mặt, không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân S; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân S.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thúy K và anh Trần Hoàng S có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị K và anh S là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K cho chị K ly hôn với anh S;

+ Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Triệu, sinh ngày 29/9/2012 cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không xem xét đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị K không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

+ Về án phí: Chị Lê Thúy K chịu 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Lê Thúy K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nuôi con với anh Trần Hoàng S là tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân S, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL. Anh Trần Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị K, anh S là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thúy K và anh Trần Hoàng S sống chung từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị K, anh S là hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung chị K và anh S xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau nhưng chị K và anh S đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh S không

đến, cho thấy anh S đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Trong khi đó, chị K xác định không còn tình cảm gì với anh S và cương quyết ly hôn. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Lê Thúy K và anh Trần Hoàng S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K được ly hôn với anh S

[3] Về con chung: 02 người con chung là Trần Thị Bích Trâm, sinh ngày 20/8/2002 và cháu Trần Hoàng Triệu, sinh ngày 29/9/2012. Khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi cháu Triệu, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 29/9/2012 có nguyện vọng được sống với chị K và hiện nay cháu vẫn còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của chị K, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị K không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Trần Thị Bích Trâm đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thúy K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thúy K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thúy K phải chịu 300.000 đồng, chị K đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thúy K, cho chị Lê Thúy K ly hôn với anh Trần Hoàng S

- *Về con chung*: Giao cháu Trần Hoàng Triệu, sinh ngày 29/9/2012 cho chị Lê Thúy K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về án phí*: Chị Lê Thúy K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị K đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0009926 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự huyện PL được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã PTTB;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm